

QUYẾT ĐỊNH số 58/2000/QĐ-BTC ngày 21/4/2000 về việc ban hành Biểu mức thu lệ phí kiểm định kỹ thuật và lệ phí cấp giấy phép sử dụng các máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Sau khi có ý kiến tham gia của các Bộ liên quan và theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức thu lệ phí kiểm định kỹ thuật, lệ phí cấp giấy phép sử dụng máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

Đối với lệ phí kiểm định kỹ thuật áp dụng thu như sau:

1. Kiểm định lần đầu để cấp giấy phép, kiểm định định kỳ để gia hạn giấy phép thu 100% mức thu quy định tại biểu mức thu.

2. Kiểm định định kỳ theo tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn không gia hạn giấy phép thu bằng 50% mức thu quy định tại biểu mức thu.

3. Kiểm định bất thường theo quy định của tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn hoặc theo yêu cầu của cơ sở thu 100% mức thu quy định tại biểu mức thu.

Điều 2. Đối tượng nộp lệ phí theo mức thu quy định tại Quyết định này là các tổ chức, cá nhân (kể cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài, các đơn vị quốc phòng làm kinh tế) khi được các Trung tâm kiểm định an toàn thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và Thanh tra nhà nước về an toàn lao động cấp giấy phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các Trung tâm kiểm định an toàn thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thu lệ phí kiểm định kỹ thuật và lệ phí cấp giấy phép sử dụng máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn (gọi chung là cơ quan thu) và quản lý, sử dụng như sau:

1. Đối với lệ phí kiểm định kỹ thuật:

a) Trường hợp cơ quan thu lệ phí được ngân sách nhà nước cấp kinh phí thường xuyên cho hoạt động kiểm định thì được tạm trích tối đa 10% (mười phần trăm) số tiền lệ phí thực thu được để chi phí cho việc tổ chức thu lệ phí theo quy định tại điểm 5.b Mục III Thông tư số 54/1999/TT-BTC ngày 10/5/1999 của Bộ Tài chính. Số tiền lệ phí thu được còn lại (90%) phải nộp vào ngân sách nhà nước.

b) Trường hợp cơ quan thu lệ phí không được ngân sách nhà nước cấp kinh phí thường xuyên cho hoạt động kiểm định thì được tạm trích số tiền lệ phí kiểm định thu được trước khi nộp ngân sách nhà nước để chi phí cho công tác tổ chức thu và công tác kiểm định kỹ thuật theo dự toán chi được cấp có thẩm quyền duyệt sau khi có sự thỏa thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính, nhưng mức trích tối đa không quá 90% số tiền lệ phí thu được; số tiền lệ phí thu được còn lại (tối thiểu là 10%) phải nộp vào ngân sách nhà nước.

09661327

2. Đối với lệ phí cấp giấy phép sử dụng máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, cơ quan thu lệ phí được trích 10% số tiền lệ phí cấp giấy phép thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để chi phí cho việc tổ chức thu, số tiền lệ phí cấp giấy phép còn lại (90%) phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Cơ quan thu lệ phí có nhiệm vụ tổ chức thu, nộp, quản lý tiền lệ phí theo quy định tại Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và Thông tư số 54/1999/TT-BTC ngày 10/5/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Biểu mức thu ban hành

kèm theo Quyết định này thay thế Biểu mức thu kèm theo Thông tư số 66/TTLB ngày 29/8/1995 của liên Bộ Tài chính - Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 5. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp lệ phí; đơn vị tổ chức thu lệ phí kiểm định kỹ thuật và lệ phí cấp giấy phép sử dụng các máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

**BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT VÀ LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG CÁC MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ VÀ CÁC CHẤT CÓ
YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 58/2000/QĐ-BTC
ngày 21/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).*

I. Biểu mức lệ phí kiểm định kỹ thuật an toàn

Số thứ tự	Tên loại thiết bị	Đơn vị tính	Công suất, dung tích, trọng tải	Mức thu một lần (đồng)
01	Nồi hơi	Cái/kiểm định	Nhỏ hơn 0,5T/h	300.000
		-nt-	Từ 0,5 T/h đến 1 T/h	500.000
		-nt-	Trên 1 T/h đến 2 T/h	1.000.000
		-nt-	Trên 2 T/h đến 4 T/h	1.500.000
		-nt-	Trên 4 T/h đến 6 T/h	1.800.000
		-nt-	Trên 6 T/h đến 10 T/h	2.200.000
		-nt-	Trên 10 T/h đến 25 T/h	4.000.000
		-nt-	Trên 25 T/h đến 75 T/h	6.000.000
		-nt-	Trên 75 T/h đến 125 T/h	8.000.000
		-nt-	Trên 125 T/h đến 200 T/h	13.000.000
		-nt-	Trên 200 T/h đến 400 T/h	18.000.000
		-nt-	Trên 400 T/h	22.000.000
02	Bình chịu áp lực	Bình/kiểm định	Nhỏ hơn 1m ³	150.000
		-nt-	Từ 1m ³ đến 2 m ³	300.000
		-nt-	Trên 2 m ³ đến 5m ³	400.000
		-nt-	Trên 5m ³ đến 10 m ³	600.000
		-nt-	Trên 10m ³ đến 25 m ³	800.000

09661327

		-nt-	Trên 25m ³ đến 50 m ³	1.000.000
		-nt-	Trên 50m ³ đến 100 m ³	2.500.000
		-nt-	Trên 100 m ³ đến 500m ³	4.000.000
		-nt-	Trên 500 m ³	6.000.000
03	Chai chứa khí	Chai/kiểm định	Chai tiêu chuẩn	60.000
		-nt-	Chai phi tiêu chuẩn	80.000
04	Hệ thống lạnh	Hệ thống/kiểm định		
		-nt-	Dưới 30.000Kcal/h	1.000.000
		-nt-	Từ 30.000Kcal/h đến 50.000Kcal	1.500.000
		-nt-	Trên 50.000Kcal/h đến 100.000Kcal/h	2.000.000
		-nt-	Trên 100.000 Kcal/h đến 250.000Kcal/h	2.500.000
		-nt-	Trên 250.000Kcal/h đến 1.000.000 Kcal/h	3.000.000
		-nt-	Trên 1.000.000 Kcal/h	4.000.000
05	Hệ thống điều chế và nạp khí	Hệ thống/ kiểm định		
		-nt-	Hệ thống có 20 miệng nạp trở xuống	2.000.000
		-nt-	Hệ thống có 21 miệng nạp trở lên	3.000.000
06	Đường ống dẫn các loại (không kể dung môi)	Mét/kiểm định		
		-nt-	Đường kính bằng hoặc nhỏ hơn 150mm	10.000
		-nt-	Đường kính trên 150mm	15.000
07	Thang cuốn (không kể năng suất)	Cái/kiểm định		2.000.000
08	Thang máy	Cái/kiểm định	Dưới 10 tầng	1.500.000
		-nt-	Từ 10 tầng trở lên	2.500.000
09	Máy trục	Cái/kiểm định		
		-nt-	Dưới 1 tấn	500.000
		-nt-	Từ 1 tấn đến 3 tấn	600.000
		-nt-	Trên 3 tấn đến 5 tấn	800.000
		-nt-	Trên 5 tấn đến 7,5 tấn	1.000.000
		-nt-	Trên 7,5 tấn đến 10 tấn	1.500.000
		-nt-	Trên 10 tấn đến 15 tấn	1.700.000
		-nt-	Trên 15 tấn đến 20 tấn	2.000.000
		-nt-	Trên 20 tấn đến 30 tấn	2.500.000
		-nt-	Trên 30 tấn đến 50 tấn	3.000.000
		-nt-	Trên 50 tấn đến 75 tấn	3.500.000
		-nt-	Trên 75 tấn đến 100 tấn	4.000.000
		-nt-	Trên 100 tấn	6.000.000

II. Mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng.

Mức thu lệ phí cấp giấy phép sử dụng máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn là 40.000 đồng/1giấy.